Chi tiết mã HS 5205.47.00

Mã HS	5205.47.00
Mô tả hàng hóa	Sợi bông (trừ chỉ khâu), có hàm lượng bông chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp, từ xơ chải kỹ: / - - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 83,33 decitex đến dưới 106,38 decitex (chi số mét sợi đơn trên 94 đến 120)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 06:01:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/52054700/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8080
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8080
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8080
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7678
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7631
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7631
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7631
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7631
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7631
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7631
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7681
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7681

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7681
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7681
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7681
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7681
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7682
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7682
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7682
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7682
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7682
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7682
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7683
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7637
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7645
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7645
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7645
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7645
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7645
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7645
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7667
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7667
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7667
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7667
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7667
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7667
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7713
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7713

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7713
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7713
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7713
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7713
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7693
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7693
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7693
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7693
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7693
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7693
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7706
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7706
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7706
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7706
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7706
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7706
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7710
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7710
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7710
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7710
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7710
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7710
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7711
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7711
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7711
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7711

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7711
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7711
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7661
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7661
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7661
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7661
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7661
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7661
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7661
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7698
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7698
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7698
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7698
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7698
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7698
RCEP B	2022	2022	0	B!D7698
RCEP B	2023	2023	0	B!E7698
RCEP B	2024	2024	0	B!F7698
RCEP B	2025	2025	0	B!G7698
RCEP B	2026	2026	0	B!H7698
RCEP B	2027	2027	0	B!I7698
RCEP C	2022	2022	0	C!D7698
RCEP C	2023	2023	0	C!E7698
RCEP C	2024	2024	0	C!F7698
RCEP C	2025	2025	0	C!G7698
RCEP C	2026	2026	0	C!H7698

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7698
RCEP D	2022	2022	0	D!D7698
RCEP D	2023	2023	0	D!E7698
RCEP D	2024	2024	0	D!F7698
RCEP D	2025	2025	0	D!G7698
RCEP D	2026	2026	0	D!H7698
RCEP D	2027	2027	0	D!I7698
RCEP E	2022	2022	0	E!D7701
RCEP E	2023	2023	0	E!E7701
RCEP E	2024	2024	0	E!F7701
RCEP E	2025	2025	0	E!G7701
RCEP E	2026	2026	0	E!H7701
RCEP E	2027	2027	0	E!I7701
RCEP F	2022	2022	0	F!D7698
RCEP F	2023	2023	0	F!E7698
RCEP F	2024	2024	0	F!F7698
RCEP F	2025	2025	0	F!G7698
RCEP F	2026	2026	0	F!H7698
RCEP F	2027	2027	0	F!I7698
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F7105
VIFTA	2025	2025	4	VI!G7105
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H7105
VIFTA	2027	2027	3	VI!I7105

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5205.47.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5205.47.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8080), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.